

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2017

V/v tranh chấp ly hôn giữa chị TH và anh H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đăng Đán
2. Bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2016/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị TH sinh năm 1990, trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang H sinh năm 1987, trú tại: Thôn H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị TH trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang H có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2015 tại UBND thị trấn Gia Bình trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận. Tuy nhiên, từ tháng 7/2016 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp và từ đó sống ly thân. Nay, chị cho rằng

tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ, nên chị xin ly hôn với anh H.

- *Về nuôi con chung*: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang T sinh ngày 16/7/2016, hiện cháu khỏe mạnh và đang ở với chị. Chị cho rằng chị đang làm Giáo viên hợp đồng, thu nhập bình quân khoảng 3.000.000 đồng/tháng và cháu T dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định của pháp luật chị được nuôi, do vậy chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn và nhất trí người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 3/2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- *Về chia tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về án phí*: Ngoài án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật chị phải nộp thì về án phí cấp dưỡng nuôi con chị xin tự nguyện nộp toàn bộ.

*. Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Quang H thừa nhận trình bày của nguyên đơn về điều kiện và thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng: Anh và chị TH, tình cảm vợ chồng vẫn còn và vẫn có khả năng đoàn tụ nên anh không nhất trí ly hôn, mà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

- *Về nuôi con chung*: Anh thừa nhận trình bày của nguyên đơn về con chung và điều kiện con chung, quyền và nghĩa vụ thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng: Tuy con chung là cháu T còn nhỏ, nhưng anh đang làm ở Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC (thuộc LILAMA), thu nhập bình quân khoảng 11.000.000 đồng/tháng (anh chỉ có lời trình bày, chứ không có tài liệu chứng cứ nào giao nộp cho Tòa án để làm căn cứ) nên điều kiện về vật chất để nuôi con chung của anh là tốt hơn, do đó anh không nhất trí giao cháu T cho chị TH nuôi dưỡng mà anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Còn nếu cháu T được Tòa án giao cho chị TH trực tiếp nuôi dưỡng thì anh nhất trí tự nguyện đóng góp theo như yêu cầu của chị TH.

- *Về chia tài sản:* Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th□ ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, Điều 53, Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 115, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

+. *Về hôn nhân:* Cho chị TH được ly hôn anh H.

+. *Về nuôi con chung:* Giao cháu T cho chị TH trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện của anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị TH mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 3/2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

+. *Về chia tài sản:* Không đề cập giải quyết.

+. *Về án phí:* Đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí và án phí Tòa án, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị TH phải chịu án phí về ly hôn và công nhận sự tự nguyện của chị TH nộp cả án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1. *Về hôn nhân:* Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị TH và anh Nguyễn Quang H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều kiện kết hôn, nên hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả, chị TH vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; còn anh H tuy không nhất trí ly hôn nhưng anh không đưa ra được phương án hòa giải

cụ thể nào để thuyết phục chị TH về đoàn tụ, nên chứng tỏ đề nghị của anh không có cơ sở.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị TH được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.]

[2. *Về nuôi con chung*: Xét thấy, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chưa thành niên và nay hai bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con và đều có yêu cầu nuôi dưỡng. Tuy nhiên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, hơn nữa do cháu T hiện dưới 36 tháng tuổi, nên cần giao cháu cho chị TH trực tiếp nuôi dưỡng; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy, chị TH và anh H đã thỏa thuận được về việc cấp dưỡng nuôi con chung và sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự tự nguyện của anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị TH mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 3/2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 82, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.]

[3. *Về chia tài sản*: Do các bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.]

[4. *Về án phí*: Chị TH phải chịu án phí về ly hôn và công nhận sự tự nguyện của chị TH nộp cả án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.]

[5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị TH và anh Nguyễn Quang H.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao con chung Nguyễn Quang T, sinh ngày 16/7/2016 cho chị Nguyễn Thị TH trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Công nhận sự tự nguyện của anh H đóng góp nuôi con với chị TH mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 3/2017 cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi).

3. *Về chia tài sản*: Không đề cập giải quyết.

*. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí và án phí Tòa án, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Án phí ly hôn: Buộc chị TH phải chịu 200.000 đồng tiền án phí ly hôn;

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện của chị TH nộp cả 200.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung;

Tổng cộng chị TH phải nộp 400.000 đồng tiền án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số AA/2012/04933 ngày 10/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Bình; chị TH còn phải nộp 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND thị trấn Gia Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**